

Bản án số: 52/2019/HS - ST
Ngày 22 - 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lò Thanh Hồng

Ông: Lương Văn Hịa

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Đoản - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lò Văn T. Tên gọi khác: Không; sinh năm 1989

Tại: Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn H và con bà: Lò Thị O; vợ: Lương Thị N; bị cáo có 01 người con sinh năm 2007; tiền án: Không. Tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 14/8/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành C đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; nhân thân: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 12/01/2019. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: Lò Văn H. Tên gọi khác: Không; sinh năm 1987

Tại: Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn X (Đã chết) và con bà: Lương Thị P; vợ: Lò Thị D; bị cáo chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tuyên xử Lò Văn H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và miễn trách nhiệm hình sự cho Lò Văn H. Bị bắt tạm giam từ ngày 12/01/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông Lò Văn H1. Sinh năm 1969

Nơi cư trú: Bản X, xã Pá K, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Lò Văn X. Sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Bản C, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Ông Lò Văn T. Sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Bản Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Chị Cà Thị A. Sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Bản X, xã Pá K, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh Lương Văn C. Sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Nơi cư trú: Bản Đ, xã Pá K, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 22/12/2018, Lò Văn T một mình đi bộ từ nhà đến lán ao của gia đình anh Lò Văn H1 ở bản X, xã Pá K, huyện Đ, mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi thấy không có ai trông coi, T đã lén lút bắt trộm 04 con ngan cho vào bao xác rắn rồi mang lên đồi thông thuộc bản X, xã Pá K, huyện Đ cất giấu. Sau đó T rủ Lương Văn C lấy xe máy của C chở T đi bán ngan cho một người phụ nữ không biết tên và địa chỉ tại chợ trung tâm xã M, huyện Đ được 300.000 đồng. Sau khi bán được ngan, T đã mua 01 lít xăng giá 24.000 đồng, số tiền còn lại T đã mua ma túy và tiêu sài cá nhân hết.

Khoảng 06 giờ ngày 23/12/2018, T rủ Lò Văn H đến lán ao của gia đình anh Lò Văn X ở bản Đ, xã P, huyện Đ để trộm cắp tài sản, H đồng ý. Khi đến nơi, thấy không có ai ở nhà, T lén lút đi vào nhà lục lọi tài sản còn H đứng ngoài canh gác. T đã lấy được 01 chiếc ti vi nhãn hiệu AKINO, tinh thể lỏng, loại 32 In cùng điều khiển ti vi đang để trên giá làm bằng gỗ cho vào bao xác rắn màu vàng rồi mang ra ngoài gặp

H. Biết T lấy được ti vi và thấy một phần ti vi bị hở ra nên H đã lấy một áo dài tay màu xanh đang phơi ở cửa lán ao của gia đình ông X phủ lên trên ti vi, mục đích để không ai biết. Sau khi lấy được tài sản, H về trước còn T mang ti vi lên khu vực rừng Thông thuộc bản X, xã P, huyện Đ để cất giấu. Sau đó, T tiếp tục đến lán ao nhà ông Lò Văn T ở bản Đ, xã P, huyện Đ lén lút bắt trộm 03 con gà cho vào bao tải xác rắn lấy ở gầm sàn nhà ông T rồi đi về. Trên đường về, T thấy lán ao nhà chị Cà Thị A ở bản Xôm 1, xã Pá Khoang, huyện Điện Biên có 01 con gà đang ấp trứng ở cửa lán ao, T đã bắt và cho con gà vào bao xác rắn cùng 03 con gà mà T bắt trước đó. T mang số gà bắt trộm được đến khu vực đồi rừng thông gần nơi cất giấu ti vi để cất giấu. sau đó T đi bộ đến nhà C mục đích để bảo C lấy xe chở T và tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ. Khi T đi đến khu vực đường thuộc bản X, xã Pá K thì bị Công an xã Mường Phăng phát hiện.

Tại các bản kết luận định giá tài sản số 69/KL - ĐG ngày 24/12/2018 và số 03/KL - ĐG ngày 08/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Điện Biên kết luận: 01 chiếc ti vi nhãn hiệu AKINO tinh thể lỏng, loại 32In, sản xuất tại Viettronics Thủ Đức có giá trị 3.000.000 đồng; 04 con gà có trọng lượng 05 kg có giá trị 500.000 đồng; 04 con ngan có trọng lượng 06kg có giá trị 420.000 đồng; 01 chiếc điều khiển ti vi nhãn hiệu AKINO có giá trị 50.000 đồng; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh có giá trị 30.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 45/CT-VKS-HĐB ngày 11/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên đã truy tố bị cáo Lò Văn T và Lò Văn H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173/BLHS.

Những bị hại ông Lò Văn H1; Lò Văn X; Lò Văn T và chị Cà Thị A đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Về trách nhiệm dân sự: Ông Lò Văn X; Lò Văn T và chị Cà Thị A đều đã nhận lại được tài sản bị mất nên không có yêu cầu gì. Ông Lò Văn H1 chưa nhận được tài sản do bị cáo T trộm cắp tuy nhiên ông H không yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị tài sản bị cáo T đã chiếm đoạt và cũng không đề nghị sung quỹ Nhà nước. Về trách nhiệm hình sự, các bị hại đều đề nghị HĐXX xử các bị cáo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58/BLHS. Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Xử phạt bị cáo Lò Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Chấp nhận việc trả lại tài sản theo biên bản về việc trả lại đồ vật ngày 19/02/2019 giữa Công an huyện Điện Biên với bị hại Lò Văn X; Lò Văn T và Cà Thị A. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, bị hại và người có nghĩa vụ liên quan đã xuất trình những chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Các bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] Hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn T: Bằng việc lợi dụng vào sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu. Trong các ngày 22 và 23 tháng 12 năm 2018, bị cáo Lò Văn T đã nhiều lần có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau: Ngày 22/12/2018, bị cáo đã chiếm đoạt 04 con ngan có giá trị 420.000 đồng của gia đình anh Lò Văn H1; ngày 23/12/2018, bị cáo cùng bị cáo Lò Văn H lén lút chiếm đoạt 01 chiếc ti vi có giá trị 3.000.000 đồng và 01 chiếc điều khiển ti vi có giá trị 50.000 đồng của gia đình anh Lò Văn X; 01 chiếc áo sơ mi có giá trị 30.000 đồng. Cùng ngày bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 04 con gà có giá trị 500.000 đồng của gia đình ông Lò Văn T và gia đình chị Cà Thị A. Bị cáo T đã 04 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng trong đó có 03 lần giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, trong các hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo chưa lần nào bị xử phạt hành C và chưa hết thời hiệu xử phạt hành C. Hành vi trộm cắp được thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản theo tổng trị giá tài sản các lần bị cáo chiếm đoạt là 4.000.000 đồng.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn H: Ngày 23/12/2018, bị cáo cùng bị cáo Lò Văn T lén lút chiếm đoạt 01 chiếc ti vi có giá trị 3.000.000 đồng và 01 chiếc điều khiển ti vi có giá trị 50.000 đồng; 01 chiếc áo sơ mi giá trị 30.000 đồng của gia đình anh Lò Văn X. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã cùng bị cáo T chiếm đoạt là 3.080.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173/BLHS. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi trộm cắp tài sản của

bị cáo đã làm ảnh hưởng đến nền trật tự trị an, an toàn trong xã hội, đồng thời trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Trong lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông Lò Văn X, bị cáo Lò Văn T đã khởi xướng và trực tiếp vào nhà anh X trộm cắp tài sản còn Lò Văn H là người canh gác để T lấy tài sản các bị cáo không có sự bàn bạc nên vụ án không có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn. Vì vậy HĐXX căn cứ vào Điều 58/BLHS để xem xét tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt cho tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Xét về năng lực trách nhiệm hình sự: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo thực hiện tội phạm do lỗi cố ý trực tiếp.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về nhân thân và lý lịch của bị cáo Lò Văn T: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã Pá Khoang, huyện Điện Biên, học hết lớp 9 thì nghỉ học. ngày 14/8/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành C đưa vào cơ sở giáo dục bắt với thời hạn 24 tháng. Ngày 15/8/2017 bị cáo chấp hành xong thời hạn đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Tại giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc số 152/GCN-CSGDBBB ngày 15/8/2017 của Cơ sở giáo dục Thanh Hà, tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp đã thể hiện bị cáo sinh năm 1987. Tuy nhiên trong giấy khai sinh đăng ký ngày 26/10/2017 do Ủy ban nhân dân xã Pá Khoang, huyện Điện Biên và giấy chứng minh nhân dân cấp ngày 12/4/2018 do Công an tỉnh Điện Biên cấp cho bị cáo lại thể hiện bị cáo sinh năm 1989 (BL 253;256). Tại trích lục tiền án, tiền sự số 259114/PV ngày 25/02/2019 do Công an tỉnh Điện Biên trích lục đã thể hiện, sau khi tra cứu trong tàng thư thủ công CCCP, hệ CSDL và hệ nhận dạng vân tay tự động VAFIS do phòng Hồ sơ quản lý, kết luận đối tượng Lò Văn T sinh năm 1987 và Lò Văn T sinh năm 1989 là cùng một đối tượng (BL228). Tại bản lý lịch bị can, danh bản, chỉ bản của bị can do Công an huyện Điện Biên lập cũng như trong Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên đã truy tố bị cáo về lần phạm tội, quá trình điều tra, xác minh tại C quyền địa phương nơi bị cáo đăng ký hộ khẩu thường trú, kết hợp với việc lấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay cho thấy bị cáo là Lò Văn T, sinh năm 1989 là C xác.

[5.2] Bị cáo Lò Văn H sinh ra tại xã Pá Khoang, huyện Điện Biên, học hết lớp 9 thì nghỉ học. Ngày 04/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và được miễn trách nhiệm hình sự. Bị cáo được coi là chưa có tiền án.

[5.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (Bị cáo Lò Văn H đã bị TAND huyện Điện Biên xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nhưng được miễn trách nhiệm hình sự. Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 66 và Điều 106 của Bộ luật hình

sự về tha tù trước thời hạn có điều kiện thì bị cáo H được coi là phạm tội lần đầu). Vì vậy bị cáo đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Các bị cáo bị truy nã nhưng đã tự giác ra cơ quan điều tra để đầu thú. Theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 16 Thông tư liên tịch số 13/2012/TTLT-BCA-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 09/10/2012 của Bộ Công An, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao hướng dẫn về thi hành một số quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự và Luật thi hành án hình sự về truy nã thì các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51/BLHS.

[6] Sau khi xem xét về hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt không lớn nhưng các bị cáo đều sử dụng ma túy, tội phạm các bị cáo thực hiện ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn xã Pa Khoang nói riêng và huyện Điện Biên nói chung, Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện cai nghiện đồng thời để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS, ngoài hình phạt C các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xong xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, bản thân các bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên không có khả năng thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ tài sản các bị cáo trộm cắp cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên thu hồi và trả lại cho bị hại theo biên bản về việc trả lại đồ vật ngày 19/02/2019 giữa Công an huyện Điện Biên với bị hại Lò Văn X; Lò Văn T và Cà Thị A. Ông Lò Văn H1 chưa nhận được tài sản do bị cáo T trộm cắp tuy nhiên ông H1 không yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị tài sản bị cáo T đã chiếm đoạt và cũng không đề nghị sung quỹ Nhà nước. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với Lường Văn C đã dùng xe chở T đi bán 04 con ngan nhưng C không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có, hành vi của C không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Người phụ nữ đã mua 04 con ngan của bị cáo T, do T không biết tên và địa chỉ nên cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ được. Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế khó khăn, tại phiên tòa các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử miễn

án phí HSST cho các bị cáo. Vì vậy theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58/BLHS.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn H đều phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Xử phạt:

- Bị cáo Lò Văn T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giam (ngày 12/01/2019)

- Bị cáo Lò Văn H 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giam (ngày 12/01/2019)

3. Án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/4/2019). Các bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án C hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Bộ phận HSNV CA H. Điện Biên;
- Công an huyện Điện Biên;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Chi cục T.H.A Dân sự H. Điện Biên;
- T.H.A HS;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Thùy Dương